

ĐẠO TIN LÀNH TRONG CỘNG ĐỒNG NGƯỜI COHO CHIL Ở LÂM ĐỒNG

Tóm tắt: Từ dữ liệu khảo sát điền dã, kết hợp phân tích tư liệu thư tịch từ những nhà truyền giáo, những công trình khoa học đã được công bố, tác giả trình bày về các giai đoạn truyền giáo và những tác động của Tin Lành giáo đến đời sống kinh tế, xã hội và văn hóa của cộng đồng người Coho Chil (Cil) ở tỉnh Lâm Đồng. Nghiên cứu về Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil - những cư dân được truyền giáo sớm nhất, có tỷ lệ tín đồ đông đảo nhất ở Lâm Đồng, sẽ góp phần bổ sung tri thức về vấn đề truyền Tin Lành trong các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên.

Từ khóa: Tin Lành, truyền giáo, người Coho Chil, tỉnh Lâm Đồng, Tây Nguyên.

Dẫn nhập

Từ năm 1929, quá trình truyền giáo Tin Lành vào các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Tây Nguyên được khởi sự, gắn với sự kiện vợ chồng giáo sĩ H. A. Jackson thuộc Hội truyền giáo CMA (*The Christian and Missionary Alliance*) đến Đà Lạt thiết lập trụ sở truyền giáo đầu tiên ở khu vực này. Trải qua các giai đoạn thăng trầm, đến năm 2013, Tin Lành đã thu hút được hơn 441.000 tín đồ¹ người dân tộc thiểu số, trở thành một thực thể tôn giáo quan trọng, có ảnh hưởng nhiều mặt đến kinh tế, xã hội, văn hóa của các DTTS ở Tây Nguyên.

Cho đến nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về Tin Lành ở vùng DTTS Tây Nguyên trên nhiều phương diện khác nhau, như: Lịch sử truyền giáo, sinh hoạt tôn giáo và đặc điểm niềm tin của tín đồ, ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của tôn giáo này đến xã hội, văn hóa và an ninh chính trị ở khu vực Tây Nguyên,... Kết quả nghiên cứu của những công trình này đã

* Khoa Lịch sử, Đại học Đà Lạt.

Ngày nhận bài: 13/4/2018; Ngày biên tập 20/4/2018; Ngày duyệt đăng: 27/4/2018.

khắc họa khá toàn diện, nhiều khía cạnh về Tin Lành ở khu vực Tây Nguyên, cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định và triển khai thực hiện các chính sách đối với Tin Lành ở địa bàn Tây Nguyên và cả nước. Tuy vậy, hầu hết các công trình nghiên cứu về Tin Lành ở Tây Nguyên thường có cách tiếp cận bao quát cho cả khu vực, khảo sát rộng trên nhiều tộc người, mà chưa có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về quá trình du nhập và tác động của Tin Lành vào một tộc người cụ thể. Hơn thế nữa, do xuất phát từ những nhu cầu cấp bách của thực tiễn, các nghiên cứu đã có chủ yếu tập trung vào các cộng đồng DTTS mới chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang Tin Lành một cách “nóng và bất thường” trong những thập niên gần đây, hoặc trong cộng đồng người Mông di cư, chưa có nhiều công trình quan tâm khảo sát sâu những cộng đồng đã theo Tin Lành lâu dài, ổn định. Vì vậy, việc nghiên cứu Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil - một trong những cộng đồng được truyền giáo đầu tiên và có tỷ lệ theo Tin Lành đông đảo nhất ở Lâm Đồng sẽ đóng góp tư liệu về nguyên nhân phát triển và những ảnh hưởng, tác động của Tin Lành đến đời sống của các DTTS Tây Nguyên.

1. Quá trình truyền giáo Tin Lành vào cộng đồng người Coho Chil

Theo *Danh mục các thành phần dân tộc ở Việt Nam*, người Coho Chil là một trong sáu nhóm địa phương của dân tộc Coho. Địa bàn cư trú truyền thống của người Coho Chil tập trung chủ yếu ở vùng rừng núi phía Đông Bắc tỉnh Lâm Đồng. Từ năm 1960, thực hiện chính sách “dồn dân lập ấp”, chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã tiến hành di dân cưỡng bức hầu hết các *bon* (làng) của người Coho Chil ra khỏi địa bàn cư trú truyền thống, đến sống trong các khu tập trung, ấp chiến lược gần trung tâm, các tuyến đường giao thông để dễ bề kiểm soát. Sau ngày thống nhất đất nước, hầu hết người Coho Chil không trở về *bon* truyền thống mà hầu hết được định cư ngay tại vị trí các ấp chiến lược cũ. Một bộ phận được chính quyền chuyển cư đến vị trí mới, có điều kiện thuận lợi hơn cho sản xuất và cuộc sống. Trải qua nhiều biến động, đến nay, người Coho Chil cư trú trải rộng trên phạm vi 5 huyện (Đam Rông, Lạc Dương, Lâm Hà, Đơn Dương, Đức Trọng) và thành phố Đà Lạt của tỉnh Lâm Đồng, với số dân 10.940 hộ, 56.143 nhân khẩu, chiếm khoảng 20% dân số các DTTS ở Lâm Đồng².

Từ đầu thập niên 1930, Tin Lành đã được truyền bá và từng bước phát triển mạnh trong các *bon* Coho Chil, từ đó lan tỏa ra các tộc người khác ở Nam Tây Nguyên. Hiện nay, trừ một số cộng đồng Coho Chil giữ tín ngưỡng truyền thống hoặc theo Công giáo, hơn 95% người Coho Chil ở Lâm Đồng đã trở thành tín đồ Tin Lành, tạo thành một cộng đồng tôn giáo - tộc người khá điển hình. Căn cứ vào bối cảnh truyền giáo, đặc điểm phương pháp truyền giáo và tốc độ phát triển, có thể phân chia lịch sử truyền giáo Tin Lành vào cộng đồng người Coho Chil thành hai giai đoạn lớn: 1930-1975 và từ 1975 đến nay.

1.1. Giai đoạn 1930-1975

1.1.1. Từ năm 1930 đến năm 1955

Từ khi đặt chân đến Việt Nam năm 1911, một trong những mối quan tâm lớn trong chiến lược truyền giáo của Hội Truyền giáo CMA là đưa Tin Lành đến với các tộc người thiểu số. Tuy vậy, phải đến năm 1929, công việc này mới chính thức bắt đầu với sự kiện vợ chồng giáo sĩ người Mỹ Herbert A. Jackson của CMA đến Đà Lạt xây dựng khu Villa Alliance cho các giáo sĩ CMA đang truyền giáo tại Đông Dương và con của họ có nơi ăn ở, học tập và nghỉ dưỡng mùa hè hằng năm, đồng thời thiết lập trụ sở truyền giáo đầu tiên cho các tộc người thiểu số ở Tây Nguyên. Sau đó, có thêm một số cặp vợ chồng truyền đạo người Việt được Hội Thánh Tin Lành Việt Nam cử đến Đà Lạt hỗ trợ ông bà giáo sĩ: vợ chồng Nguyễn Văn Tâm (từ năm 1931), vợ chồng Trịnh An Mẹo (từ năm 1933), vợ chồng Phạm Văn Năm (từ năm 1941),.... Đà Lạt trở thành một trong hai trụ sở truyền đạo chính thức ở Nam Trường Sơn - Tây Nguyên (cùng với Buôn Ma Thuột), góp phần biến khu vực này trở thành một “công trường thuộc linh” sôi động từ cuối những năm 1920 đến năm 1975³.

Trong giai đoạn đầu, Tin Lành ở Đà Lạt đã vấp phải sự cản trở của chính quyền thực dân Pháp do lo sợ sự can thiệp của Mỹ vào khu vực này thông qua hoạt động của các giáo sĩ CMA, chủ yếu mang quốc tịch Mỹ và Canada. Mặt khác, do hạn chế về nhân sự và tài chính nên hoạt động truyền đạo chủ yếu diễn ra tại trụ sở truyền giáo cho những người Thượng đang làm thuê tại Đà Lạt mà các giáo sĩ truyền đạo có dịp tiếp xúc. Sau đó, họ tích cực đào tạo những tín đồ này trở thành

lực lượng tiên phong trong việc truyền bá Tin Lành cho tộc người của mình và những tộc người lân cận có nhiều nét tương đồng với họ về văn hóa và ngôn ngữ.

Cụ thể, vào năm 1930, ông bà giáo sĩ đã gặp và truyền đạo cho ông K'Sol, một người Coho Srê, thông thạo tiếng Pháp và tiếng Việt, quê ở *bon* Srê Đăng (thuộc xã Ninh Loan, huyện Đức Trọng ngày nay)⁴. Sau đó, ông đã giới thiệu một số người Coho Chil đang làm thuê tại một trang trại ở ngoại ô Đà Lạt đến nghe vợ chồng giáo sĩ H. A. Jackson truyền giảng Tin Lành. Một lớp học Kinh Thánh được tổ chức và điều hành bởi giáo sĩ H. A. Jackson nhằm đào tạo những người này thành những nhà truyền giáo. Trong số những những học viên đầu tiên, trừ vợ chồng ông K'Sol là người Coho Srê, 13 cặp vợ chồng học viên còn lại đều là người Coho Chil trẻ tuổi (Ha Chu A, Ha Sao A, Ha Krong A, Ha Kring, Ha Brang, Ha Tiêng, Ha Húy, Ha Bang A, Ha Bang B, Ha Kê, Ha Hạ, Ha Đoi, Ha Krông B)⁵. Mỗi năm, những người Coho Chil đến lớp học khoảng hai tháng. Thời gian còn lại, họ trở về truyền đạo trong các *bon* Coho Chil đang ở rải rác trên những dãy núi cao phía Đông Bắc tỉnh Lâm Đồng. Những tín đồ đầu tiên này là hạt nhân quan trọng, đóng vai trò “men trong bột”, giúp cho Tin Lành phát triển mạnh mẽ trong cộng đồng người Coho Chil. Nhờ hoạt động truyền đạo tích cực của họ nên mặc dù có nhiều hạn chế về tiềm lực nhưng Tin Lành đã len lỏi đến được nhiều *bon* Coho Chil ở vùng rừng núi thượng nguồn sông Krông Nô, nơi mà các linh mục Công giáo đến lúc này vẫn chưa có điều kiện đặt chân tới. Hàng loạt những chi hội Tin Lành của người Coho Chil được thành lập: chi hội Đa Blah (năm 1936), chi hội Kon Đố - Liêng Đăng (năm 1938), chi hội Đơng Briang (năm 1947), chi hội Liêng Bông (năm 1948), chi hội Chil Lú (năm 1953),... gắn liền với tên tuổi các truyền đạo tiên phong người Coho Chil như Ha Klas A, Ha Sao A, Ha Krong A, Ha Chu A,.... Không những truyền giáo cho dân tộc mình, các truyền đạo người Coho Chil còn tích cực truyền giáo cho một số tộc người sống lân cận, như: Ha Sao A, Ha Kar, Ha Đoi C truyền giáo cho các *bon* người Raglai, Ha Kar truyền giáo vùng người T'ring ở khu vực Bì Đốp, Ha Chú C truyền giáo vùng người Coho Lạch dưới chân núi Lang Biang,....

Bên cạnh hoạt động của các truyền đạo người Coho Chil đóng vai trò chủ yếu, hằng năm, vào các tháng mùa khô, từ Đà Lạt, các giáo sĩ CMA và các mục sư, truyền đạo người Việt cũng thường tổ chức các chuyến đi truyền đạo hoặc bồi linh (đến thăm các làng đã theo đạo để củng cố đức tin của họ) ở một số *bon* Coho Chil ở vùng sâu, vùng xa với sự dẫn đường và hỗ trợ tích cực của các truyền đạo và tín đồ người Coho Chil. Mỗi chuyến đi kéo dài hàng chục ngày. Tại mỗi *bon*, họ ở lại khoảng 1 - 2 ngày, tập trung mọi người để thuyết giảng. Trong quá trình truyền đạo, họ đặc biệt chú trọng đến những người có uy tín trong cộng đồng như: chủ làng (*caukwǎng bon*), trưởng các dòng họ (*cau kwǎng krǎ*), những thầy phù thủy “cao tay” (*gru, pơ jǎu*),.... Khi những người này đã tin theo, các thành viên khác trong cộng đồng sẽ đón nhận Tin Lành dễ dàng hơn. Trong các chuyến truyền giáo, các truyền đạo thường mang theo một số thuốc men để chữa bệnh hoặc giúp đỡ một số gia đình nghèo khổ để gây thiện cảm.

Để phục vụ cho công việc truyền giáo, ngay từ những năm đầu tiên truyền đạo ở Đà Lạt, giáo sĩ Jackson, Mục sư Nguyễn Văn Tầm đã cùng với ông K'Sol xây dựng chữ viết cho người Coho và tiến hành dịch Kinh Thánh và Thánh ca ra tiếng Coho. Trong giai đoạn này, mặc dù công việc biên dịch chưa hoàn tất nhưng từng phần Kinh Thánh và Thánh ca tiếng Coho đã được phổ biến cho tín đồ sử dụng.

Nhờ những hoạt động truyền giáo tích cực trên đây, số tín đồ Tin Lành người Coho Chil không ngừng tăng lên, từ 03 tín đồ năm 1930 lên 2.000 tín đồ năm 1950 và 3.300 tín đồ vào năm 1955 (trong đó có 1.300 tín đồ đã nhận Báp-têm)⁶. Người Coho Chil trở thành nhóm cư dân có số tín đồ Tin Lành đông nhất ở khu vực Tây Nguyên⁷. Nhiều nơi như ở huyện Đơn Dương, hầu hết người Coho Chil đã trở thành tín đồ Tin Lành⁸. Đó là những thành công rất lớn, tạo tiền đề quan trọng để Tin Lành tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong cộng đồng người Coho Chil trong giai đoạn 1955-1975.

1.1.2. Từ năm 1955 đến năm 1975

Từ năm 1960, chính quyền Việt Nam Cộng hòa thực hiện chính sách di dân cưỡng bức, đưa hầu hết các *bon* của người Coho Chil với hơn 10.000 dân ra khỏi khu vực cư trú truyền thống ở vùng núi rừng

xa xôi, xuống sống tập trung trong các khu tân sinh, áp chiến lược được thiết lập tại những nơi có điều kiện giao thông thuận lợi để tiện cho việc quản lý và ngăn cản sự tiếp tế cho lực lượng cách mạng, như: ở Đạ Me, Suối Thông, R'Chai, Đạ Sar, Đầm Ròn⁹,....

Chuyển từ cuộc sống phân tán, biệt lập về kinh tế và xã hội ở vùng rừng núi sang cuộc sống trong không gian áp chiến lược xa lạ, có nhiều thay đổi về lối sống và khó khăn về sinh kế đã làm cho nhiều người Coho Chil cảm thấy bỡ ngỡ, bất an. Trong khi đó, tín ngưỡng truyền thống từ chỗ là điểm tựa về mặt tâm linh trước kia đã không còn phù hợp với bối cảnh sống mới, dần trở thành những “hủ tục” trói buộc con người vào những kiêng kỵ rườm rà, những nghi lễ hiển sinh tốn kém. Tất cả đã tạo cho bộ phận người Coho Chil chưa theo đạo những hụt hẫng và khủng hoảng trong đời sống tinh thần. Trong khi đó, Tin Lành với nghi thức đơn giản, ít tốn kém, lại đề cao vai trò cá nhân, tôn trọng tính dân chủ... lại đang được đẩy mạnh truyền giáo trong các áp chiến lược với sự hỗ trợ của lực lượng Mỹ và sự tham gia tích cực của nhiều tổ chức Tin Lành quốc tế như Thánh Kinh hội, Hoàn cầu Khải tượng,.... Vì vậy, tôn giáo này đã nhanh chóng thu hút hầu hết những người Coho Chil chưa theo đạo đang sống trong các áp chiến lược. Vào năm 1965, số tín đồ người Coho Chil tăng lên khoảng 10.000 người với 3.100 người đã chịu Báp-têm¹⁰, chủ yếu thuộc hệ phái CMA, một số theo hệ phái Cơ đốc Phục Lâm, chiếm tỷ lệ đa số trong cộng đồng tín đồ Tin Lành người Coho ở Lâm Đồng¹¹.

Trong các áp chiến lược, các chi hội Tin Lành được tổ chức một cách bài bản. Nhiều Hội Thánh mới được thành lập. Các hội thánh đã có trước đó được củng cố vững mạnh hơn về tổ chức. Nhà thờ được xây dựng ở hầu hết các khu tập trung người Coho Chil, thậm chí có áp chiến lược có 3 - 4 nhà thờ, như ở Tiêng Liêng hoặc N'thol Hạ. Nhiều con em các gia đình tín đồ được lựa chọn và cử đi học tại Trường Kinh Thánh Đà Lạt (được thành lập năm 1949), Thánh Kinh Thần học viện Nha Trang (khánh thành năm 1962), gia nhập vào đội ngũ những chức sắc, truyền đạo người Coho Chil vốn đã khá đông đảo trước đó. Nhiều người Coho Chil trong thế hệ truyền đạo thứ hai này cũng đóng vai trò cốt cán trong việc truyền đạo cho các tộc người khác ở Trường

Sơn - Tây Nguyên: truyền đạo Chil Múp Ha Kar đến truyền giáo cho người dân tộc Stiêng tại xã Tân Rai, huyện Bảo Lâm, truyền đạo Ha Wăn đến truyền đạo cho người dân tộc H'rê tỉnh Quảng Ngãi; truyền đạo Ha Chăn đến phụ đạo cho học sinh nội trú của người dân tộc Raglai, tỉnh Ninh Thuận, truyền đạo Ha Tông đến truyền giáo cho người M'ông ở Quảng Đức (nay thuộc tỉnh Đắk Lắk)¹². Đặc điểm nổi bật trong giai đoạn này là các hoạt động truyền đạo Tin Lành được kết hợp chặt chẽ với các hoạt động từ thiện, viện trợ nhằm giữ vững tín đồ cũ và thu hút thêm nhiều tín đồ mới. Một số cơ sở giáo dục, y tế của Tin Lành được thành lập và đi vào hoạt động ở gần các khu tập trung, áp chiến lược để hỗ trợ cho công cuộc truyền giáo. Tại trụ sở Nam Thượng hạt ở đường Tiềm Quân Thành (nay là đường Khe Sanh), nhiều công trình được xây mới hoặc mở rộng, như: Trường Trung cấp Kinh Thánh Coho, Trường Tiểu học văn hóa Đồng Nai Thượng, trạm y tế, ký túc xá cho Trường Kinh Thánh, nhà thờ của Hội Thánh Tin Lành người Thượng, trường dạy nghề cho người bản địa và ký túc xá trường dạy nghề. Một trường kỹ thuật cho con em người Thượng mang tên Trường kỹ thuật Chil - La - Ma - Srê được xây dựng vào năm 1967 ở khu vực thuộc thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà (được đặt theo tên của 4 cộng đồng cư dân nói tiếng Coho: Chil, Lạch, Mạ, Srê).

Việc dịch và in Kinh Thánh, Thánh ca phục vụ cho việc truyền đạo cũng được đẩy mạnh một cách khoa học, bài bản và quy mô. Viện Chuyên khảo ngữ học mùa hè ISL (Summer Institute of Linguistics - thuộc trường Đại học North Dakota) và Hội Dịch giả Kinh Thánh Wicliffe (Wicliffe Bible Translators) đến từ Mỹ đã có nhiều nỗ lực trong việc kết hợp với các truyền đạo Tin Lành tiếp tục nghiên cứu và tạo hệ thống chữ viết cho một số tộc người bản địa ở Việt Nam, phục vụ cho việc truyền giáo. Trong đó, việc hoàn thiện chữ viết Coho được đặc biệt quan tâm. Từ năm 1954, nhà in Tin Lành được chuyển từ Hà Nội vào Đà Lạt, đặt bên cạnh trụ sở truyền giáo hỗ trợ việc in từng phần Kinh Thánh và Thánh ca bằng tiếng Coho. Đến tháng 4/1967, Hội Kinh Thánh Tin Lành đã cho in 5.000 cuốn Tân Ước bằng tiếng Coho và làm lễ cung hiến tại Nhà thờ Tin Lành Đà Lạt ở

đường Hàm Nghi (đường Nguyễn Văn Trỗi ngày nay). Bộ Kinh Thánh bằng tiếng Coho này là bộ Kinh Thánh được in bằng tiếng Thượng đầu tiên ở Tây Nguyên¹³.

Có thể nói, cho đến năm 1975, Tin Lành đã tạo được chỗ đứng và đức tin vững chắc trong cộng đồng người Coho Chil với số lượng tín đồ và chức sắc đông đảo. Đây là tiền đề quan trọng để tôn giáo này tiếp tục âm thầm duy trì trong thời kỳ sau năm 1975 và phục hồi, phát triển mạnh mẽ vào giữa thập niên 1980.

1.2. Giai đoạn 1975-2017

Sau ngày thống nhất đất nước 30/4/1975, Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil nói riêng, tại Tây Nguyên nói chung vẫn được phép hoạt động bình thường như những tôn giáo khác. Tuy nhiên về sau tình hình trở nên phức tạp do tổ chức FULRO nổi dậy, cấu kết chặt chẽ với nhiều chức sắc Tin Lành dân tộc, hoạt động vũ trang chống phá chính quyền cách mạng, gây bất ổn cho đời sống nhân dân. Để ổn định tình hình, từ năm 1977, chính quyền cách mạng đã buộc phải đình chỉ hoạt động của bộ máy tổ chức hành chính đạo gắn liền với các chức sắc của tôn giáo này. Các hội thánh tại địa phương bị giải tán, hầu hết nhà thờ bị đóng cửa, các hoạt động mục vụ bị đình chỉ. Một số mục sư, truyền đạo người Coho Chil dính líu quá sâu vào hoạt động của FULRO bị tập trung cải tạo¹⁴. Vì vậy, trong giai đoạn 1977 đến giữa thập niên 1980, hoạt động của Tin Lành trong các tộc người thiểu số ở Lâm Đồng bị giảm xuống, các tổ chức Tin Lành bị giải thể về hình thức, hoạt động tôn giáo bị thu hẹp. Tuy vậy, trong cộng đồng người Coho Chil, đa số tín đồ vẫn âm thầm duy trì đức tin và thực hành các nghi lễ tôn giáo tại gia đình, dòng họ.

Sau gần 10 năm trầm lắng, từ giữa thập niên 1980, Tin Lành đã phục hồi và phát triển mạnh mẽ trở lại trong cộng đồng người Coho Chil trong bối cảnh đất nước thực hiện đổi mới kinh tế theo hướng thị trường, đổi mới chính sách xã hội và bước đầu đổi mới nhận thức, quan điểm về tôn giáo. Trong điều kiện chưa được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân, thiếu sự hỗ trợ từ bên ngoài, hạn chế về nhân lực, vật lực so với giai đoạn trước năm 1975, Tin Lành đã thực hiện chiến lược truyền giáo linh hoạt, phù hợp và thích ứng tốt với điều kiện mới. Tin Lành đã khắc phục khó

khăn về đội ngũ truyền giáo bằng cách đào tạo hàm thụ và tự phong mục sư, truyền đạo cho đội ngũ những người Coho Chil học dở dang tại trường Kinh Thánh Đà Lạt, Thánh Kinh Thần học viện Nha Trang trước năm 1975. Bên cạnh đó, Tin Lành cũng lựa chọn hạt nhân truyền đạo mới là những thanh niên có năng lực, năng nổ trong các sinh hoạt đạo để kết nối, huấn luyện, đào tạo họ trở thành đội ngũ dẫn dắt các sinh hoạt tôn giáo và tiên phong trong truyền đạo. Nhờ đó, nhiều chi hội và điểm nhóm của các hệ phái Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil đã phục hồi và đẩy mạnh hoạt động. Một số cộng đồng người Coho Chil trước kia sống trong vùng căn cứ cách mạng cũng theo Tin Lành. Ngoài ra, với phương pháp chứng đạo cá nhân, các chức sắc, tín đồ người Coho Chil cũng tích cực len lỏi truyền giáo trong cộng đồng người Coho Srê, người Chu ru, người Mạ, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ của Tin Lành trong giai đoạn này.

Năm 2001, với việc Chính phủ công nhận tư cách pháp nhân, cho phép Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) hoạt động hợp pháp trở lại, tại Lâm Đồng, Ban Đại diện Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) tỉnh Lâm Đồng khóa I (nhiệm kỳ 2001-2003) được thành lập với 3 thành viên (01 trưởng ban và 01 phó ban là mục sư người Coho Chil, 01 ủy viên là mục sư người Việt). Từ đó, hoạt động của các điểm nhóm, chi hội Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) từng bước đi vào ổn định. Đặc biệt, sau khi có Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về *Một số công tác đối với Tin Lành*, tình hình hoạt động của các hệ phái Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil diễn ra sôi nổi, nền nếp theo pháp luật. Theo số liệu thống kê của Ban Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng, tính đến cuối năm 2017, người Coho Chil có 39.139 tín đồ trong tổng số 98.363 tín đồ Tin Lành toàn tỉnh (chiếm gần 40%), sinh hoạt trong 50 chi hội, 62 điểm nhóm; chức sắc người Coho Chil có 32 mục sư, 21 mục sư nhiệm chức, 12 truyền đạo và 12 trưởng lão¹⁵, đông nhất trong hàng ngũ chức sắc Tin Lành ở Lâm Đồng. Đại đa số tín đồ Tin Lành người Coho Chil thuộc hai hệ phái đã được truyền bá từ trước năm 1975 là Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) có 31.700 tín đồ và Cơ đốc Phục Lâm có 7.194 tín đồ.

Như vậy, qua hơn 80 năm truyền giáo, đến nay, Tin Lành đã tạo thành một cộng đồng dân tộc - tôn giáo đáng kể trong vùng người Coho Chil ở tỉnh Lâm Đồng.

2. Ảnh hưởng của Tin Lành đến kinh tế, xã hội, văn hóa của người Coho Chil

Sự xâm nhập của Tin Lành - một tôn giáo gắn với cuộc Cải cách Kitô giáo và quá trình hiện đại hóa ở Phương Tây, đã tạo nhiều chuyển biến trong đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa của cộng đồng người Coho Chil. Vì là cộng đồng đã có lịch sử theo Tin Lành dài lâu, tỷ lệ theo đạo gần như tuyệt đối nên ảnh hưởng của Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil cũng có một số đặc điểm khác với các cộng đồng DTTS mới theo Tin Lành ở Tây Nguyên.

Về phương diện kinh tế, mặc dù không trực tiếp xây dựng những mô hình hoạt động kinh tế hiệu quả hoặc tiến hành những hoạt động hỗ trợ sản xuất cho tín đồ, nhưng là tôn giáo gắn liền với tính hiện đại hóa, với đặc điểm nổi trội là “hợp lý tính”, khi xâm nhập vào cộng đồng người Coho Chil, tôn giáo này tất yếu có sự tác động gián tiếp, làm thay đổi quan niệm, cách thức tư duy, từ đó có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh tế của tín đồ. Trước hết, Tin Lành làm cho tín đồ thay đổi các quan niệm về lao động, của cải, sự giàu có, phân công lao động, hiệu quả sản xuất, phân phối sản phẩm, ý thức về giá trị cá nhân,... góp phần mang lại những thay đổi trong thái độ sống và cách thức tổ chức đời sống của cộng đồng theo hướng hợp lý hơn, hiện đại hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội hiện đại. Hơn nữa, với tính chất thực dụng, nhập thế của Tin Lành, trong nội dung các bài giảng, các mục sư, truyền đạo thường lồng ghép những nội dung giáo lý với việc khuyên tín đồ biết tính toán làm ăn, siêng năng, tiết kiệm, biết áp dụng khoa học vào sản xuất, chăn nuôi chuồng trại để đảm bảo vệ sinh và hiệu quả kinh tế,... nhằm giúp tín đồ nâng cao ý thức tích cực trong các hoạt động sản xuất, cải thiện đời sống kinh tế gia đình để có điều kiện tốt hơn phụng sự Thiên Chúa.

Trong cộng đồng tín đồ Tin Lành người Coho Chil, tổ chức tôn giáo và thiết chế cộng đồng truyền thống hầu như được kết hợp, đan xen vào nhau. Cấu trúc chi hội Tin Lành hầu hết được tổ chức dựa

trên nền tảng của *bon* truyền thống, tên các chi hội cũng là tên của các *bon* cũ (chi hội Liêng Bông, chi hội Bon Rôm, chi hội Đa Lơ Nghit, chi hội Tiêng Liêng,...) và tín đồ trong chi hội là những người có cùng *bon* gốc. Nhiều người trưởng dòng họ, già làng đồng thời cũng là chấp sự, truyền đạo, nếu không họ cũng thường là những tín đồ trung tín và siêng năng việc đạo. Bởi vì, nếu không tích cực và khẳng định được uy tín trong các sinh hoạt tôn giáo của Hội Thánh thì họ cũng khó tạo lập được uy tín trong dòng họ và cộng đồng. Họ cũng thường bàn bạc với mục sư, chấp sự trong khi giải quyết các vấn đề của dòng họ, cộng đồng, lúc đó các quy định của luật tục truyền thống thường được kết hợp đan xen với những giáo lý của Tin Lành. Do đó, trong cộng đồng người Coho Chil, không dễ phân biệt rõ ràng giữa thiết chế tôn giáo và thiết chế xã hội truyền thống¹⁶.

Các chức sắc tôn giáo, thành viên của Ban Chấp sự thường là những người được học hành, có khả năng ăn nói, có mối quan hệ xã hội rộng rãi, có đạo đức và lối sống lành mạnh (không hút thuốc, không uống rượu, cuộc sống gia đình hạnh phúc,...), có mối quan hệ tốt đẹp với mọi người. Họ đã hình thành nên tầng lớp tinh hoa, được cộng đồng tín đồ kính trọng và tin tưởng. Khi gặp khó khăn trong cuộc sống hoặc những công việc trọng đại của gia đình và cá nhân (cưới xin, ma chay, hòa giải xích mích...), tín đồ Tin Lành thường tìm gặp những người này để hỏi ý kiến và nhờ sự giúp đỡ. Không chỉ dẫn dắt đời sống tôn giáo, tâm linh, họ còn đóng vai trò dẫn dắt, hướng dẫn tín đồ trong hoạt động kinh tế, chính trị xã hội, định hướng lối sống cộng đồng và tham gia hòa giải các tranh chấp, xích mích. Trong đời sống của cộng đồng người Coho Chil theo Tin Lành, bên cạnh thiết chế quan phương và các quy định pháp luật của Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, ảnh hưởng của thiết chế tôn giáo và các giáo lý, giáo điều tôn giáo cũng rất quan trọng trên nhiều phương diện.

Ngày nay, đa phần người Coho Chil ở Lâm Đồng là tín đồ Tin Lành (chủ yếu thuộc hệ phái Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam), một số theo hệ phái Cơ đốc Phục Lâm. Tôn giáo này gần như đã tạo nên một cộng đồng tôn giáo - tộc người thuần nhất. Vì vậy, trong cộng đồng người Coho Chil hiện nay, hầu như không có hiện

tượng chia rẽ và mâu thuẫn xã hội trong nội bộ cộng đồng, nội bộ tộc người, nội bộ dòng họ giữa hai nhóm người theo và không theo Tin Lành, giữa các hệ phái Tin Lành như thường có trong các cộng đồng DTTS mới theo đạo. Ngược lại, tôn giáo như chất xúc tác làm tăng thêm tính cố kết trong nhóm địa phương này, bởi ngoài mối quan hệ đồng tộc, mối quan hệ giữa họ còn được thắt chặt bởi cùng chia sẻ một đức tin, giáo lý và các thực hành tôn giáo.

Tin Lành cũng có vai trò quan trọng trong việc gia tăng nguồn vốn xã hội và mở rộng mạng lưới xã hội của tín đồ người Coho Chil. Các sinh hoạt tôn giáo của chi hội, của các ban theo lứa tuổi, giới tính cũng như các sinh hoạt tôn giáo liên chi hội cũng là dịp để tín đồ gặp gỡ, trao đổi, giao lưu, học hỏi lẫn nhau, giúp gia tăng nguồn vốn xã hội. Mối quan hệ với những tín đồ cùng tôn giáo thuộc các tộc người khác nhau, ở nhiều địa phương khác nhau trong tỉnh, làm nhiều nghề nghiệp khác nhau cũng góp phần mở rộng mạng lưới xã hội của tín đồ Tin Lành người Coho Chil vốn trước đây chỉ bó hẹp trong phạm vi *bon* truyền thống. Khi gặp khó khăn trong cuộc sống, lúc gặp ốm đau, hoạn nạn, ngoài sự hỗ trợ giữa những người trong gia đình, dòng họ, cộng đồng *bon*, tín đồ Tin Lành người Coho Chil còn nhận được sự hỗ trợ, động viên từ những người đồng đạo. Nguồn vốn xã hội và mạng lưới xã hội được tạo lập bởi yếu tố tôn giáo đóng vai trò không nhỏ đối với tín đồ người Coho Chil trong bối cảnh kinh tế - xã hội hiện đại.

Cùng với tính hợp lý hóa, quá trình “giải ma thuật” của Tin Lành cũng góp phần làm mất đi môi trường tồn tại của các hủ tục trong các sinh hoạt cộng đồng. Khi theo Tin Lành, tín đồ người Coho Chil đã bỏ nhiều “hủ tục” trong ma chay, cưới xin, chữa bệnh bằng “phương pháp ma thuật” rườm rà, tốn kém trước kia, làm mất đi vai trò của đội ngũ thầy cúng đầy uy quyền trong xã hội truyền thống. Thực tế những năm qua, những chức sắc trong các chi hội Tin Lành đã tích cực kết hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương vận động có hiệu quả cộng đồng Coho Chil tín đồ xóa bỏ nhiều phong tục lạc hậu, thực hiện đời sống văn hóa mới: không hút thuốc, không uống rượu, đề cao lối sống đạo đức, thủy chung một vợ - một chồng, động viên thanh thiếu niên

chăm chỉ học tập, thực hiện nếp sống vệ sinh. Ngoài ra, Tin Lành cũng là một phương tiện để truyền tải các giá trị văn hóa bên ngoài, góp phần hình thành trong cộng đồng tín đồ lối sống phù hợp với chuẩn mực của đời sống hiện đại: tiết kiệm, cởi mở, dân chủ, đề cao vai trò cá nhân trước cộng đồng. Những sinh hoạt tôn giáo của Tin Lành như nhóm họp, tập hát thánh ca, học đàn organ, sinh hoạt các ban theo lứa tuổi, giới tính, thánh kinh hè,... ngoài việc đáp ứng nhu cầu tâm linh, còn đáp ứng các nhu cầu về vui chơi, giải trí, sinh hoạt cộng đồng, chia sẻ, gắn kết của người dân trong bối cảnh các sinh hoạt văn hóa tinh thần truyền thống ngày càng thưa vắng và mai một trong bối cảnh xã hội đương đại.

Bên cạnh nhiều tác động tích cực, Tin Lành cũng có một số tác động tiêu cực đến việc giữ gìn và phát huy các giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống của người Coho Chil. Tin Lành là tôn giáo nhất thần, gắn với thế giới hiện đại, đề cao quá trình hiện đại hóa, nên trong quá trình truyền giáo, những chức sắc Tin Lành thường công kích, lên án gay gắt niềm tin đa thần truyền thống và hệ thống những nghi lễ gắn liền với niềm tin đó. Từ đó, hình thành trong tín đồ Tin Lành tâm lý cái gì gắn với truyền thống là lạc hậu, là trái ngược với đức tin Tin Lành nên cần phải lên án và bãi bỏ,... Mặc dù không chủ trương xóa bỏ bản sắc văn hóa truyền thống nhưng trên thực tế, sự thay thế các lễ hội, sinh hoạt văn hóa dân gian bằng các thực hành nghi lễ của Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil trong một thời gian dài đã kéo theo sự mai một nhiều giá trị văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa tộc người được biểu hiện trong các lễ hội, âm nhạc, diễn xướng dân gian, dẫn đến tình trạng “Tin Lành hóa” và đồng hóa văn hóa. Tuy vậy, khách quan nhìn nhận, sự biến đổi mạnh mẽ của các giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống không chỉ diễn ra ở cộng đồng người Coho Chil theo Tin Lành mà là hiện tượng phổ biến diễn ra ở nhiều tộc người thiểu số Tây Nguyên không theo Tin Lành, do sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau: sự thay đổi bối cảnh kinh tế - xã hội và không gian sinh tồn, quá trình cộng cư xen cư với người Kinh ở mức độ cao, sự thay đổi sinh kế và sự khủng hoảng của chính hệ thống văn hóa truyền thống.

Hiện nay, nhiều chức sắc và bản thân tín đồ Tin Lành người Coho Chil cũng đã dần ý thức được rằng, việc duy trì một số yếu tố văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc tộc người không hề ảnh hưởng hoặc đi ngược lại đức tin Tin Lành mà còn có thể giúp tạo dựng một cộng đồng Tin Lành người thiểu số có bản sắc riêng. Vì vậy, tại một số chi hội Tin Lành Coho Chil đã có những việc làm cụ thể để thỏa mãn nhu cầu khẳng định bản sắc của mình: dùng chổi rượu cần để làm bình hoa trang trí trong khuôn viên nhà thờ, dùng tấm vải thổ cẩm để trang trí cho bàn thánh trong lễ tiệc thánh hoặc bọc chủ tọa, các ban hát được khuyến khích mặc bộ trang phục truyền thống hoặc bộ trang phục truyền thống có cách tân, dùng vải thổ cẩm để may túi đựng Kinh Thánh khi đi lễ, cho phép và khuyến khích tín đồ sử dụng công chiêng trong một số sinh hoạt văn hóa bên ngoài không gian nhà thờ như tấu công chiêng trong lúc đón khách trong đám cưới,... Có thể nói, qua thời kỳ đầu truyền giáo với quan điểm và cách ứng xử tương đối cực đoan, ngày nay cộng đồng người Coho Chil theo Tin Lành đã có cái nhìn bình tĩnh, khoan dung và toàn diện hơn với những giá trị văn hóa truyền thống của cha ông. Đó phải chăng là một dấu hiệu của xu thế thích nghi và hội nhập giữa văn hóa Tin Lành với văn hóa tộc người ở khu vực Tây Nguyên như đã được một nhà nghiên cứu đề cập đến¹⁷.

Về phương diện an ninh, chính trị, Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil trong lịch sử cũng ít nhiều tạo nên những bất ổn trong mối quan hệ đoàn kết Kinh - Thượng. Trong lịch sử, việc truyền đạo Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil ở Lâm Đồng nói riêng, các DTTS ở Tây Nguyên nói chung luôn đi liền với những toan tính liên quan đến mưu đồ làm chia rẽ mối quan hệ Kinh - Thượng và kế hoạch hậu chiến của Mỹ ở khu vực có vị trí địa - chính trị chiến lược này. Sự dính líu mạnh mẽ của các chức sắc Tin Lành người Coho Chil trong các hoạt động của lực lượng FULRO ở Lâm Đồng giai đoạn 1975-1986 là một biểu hiện của tác động tiêu cực đó. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng vấn đề Tin Lành ở Tây Nguyên không chỉ là hệ quả của mưu đồ chính trị mà còn là một vấn đề tôn giáo, văn hóa, xã hội liên quan đến tộc người.

Kết luận

Trong các tộc người thiểu số ở Nam Tây Nguyên, Tin Lành được truyền bá sớm nhất vào cộng đồng người Coho Chil ở Lâm Đồng. Cho đến trước năm 1975, hầu hết các *bon* Coho Chil đã từ bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo Tin Lành. Thành tựu của Tin Lành trong cộng đồng người Coho Chil giai đoạn này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau: Thời điểm truyền giáo sớm và không gặp phải sự cạnh tranh của Công giáo; bối cảnh truyền giáo có nhiều thuận lợi; phương pháp truyền giáo phù hợp. Trong đó, theo chúng tôi nguyên nhân quan trọng nhất là bản thân Tin Lành có đặc điểm, nội dung giáo lý, thực hành tôn giáo có nhiều yếu tố phù hợp, đáp ứng được nhu cầu tôn giáo của người Coho Chil trong bối cảnh các tín ngưỡng truyền thống đã dần dần mất đi vai trò vì những hủ tục, kiêng cử, nghi lễ nặng nề, tốn kém. Nói cách khác, vì đáp ứng được những nhu cầu tinh thần, tâm linh của bản thân của người Coho Chil nên tôn giáo này đã phát triển mạnh và có sức sống bền vững trong cộng đồng. Sự phát triển mạnh mẽ của Tin Lành trong người Coho Chil - những cư dân có địa bàn cư trú phân tán nơi rừng núi, đời sống khó khăn, lạc hậu nhất trong các tộc người ở Nam Tây Nguyên, lại chịu nhiều biến động của các yếu tố chính trị - xã hội cũng là minh chứng cho hiện tượng phổ biến trên thế giới: những cộng đồng lạc hậu, chịu nhiều biến động của bối cảnh kinh tế - xã hội, cuộc sống gặp nhiều khó khăn, bất trắc luôn là một trong những mảnh đất màu mỡ để Tin Lành “gieo giống” và phát triển.

Do lịch sử theo đạo lâu dài, đức tin đã sâu sắc, ổn định nên trong bối cảnh xã hội Việt Nam sau năm 1975, dù bị giải thể về mặt tổ chức, tín đồ Tin Lành người Coho Chil vẫn âm thầm duy trì đức tin và các sinh hoạt tôn giáo của mình ở phạm vi cá nhân, gia đình. Từ giữa thập niên 1980, khi đất nước thực hiện đổi mới kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế, tôn giáo này phục hồi nhanh chóng về sinh hoạt và tổ chức trong cộng đồng người Coho Chil. Đồng thời, những chức sắc và tín đồ người Coho Chil cũng là lực lượng đông đảo nhất, đóng vai trò hạt nhân trong việc mở rộng và phát triển tôn giáo này ra các tộc người thiểu số ở khu vực Nam Tây Nguyên cho đến hiện nay.

Việc cải giáo theo Tin Lành, một mặt, tạo ra trong cộng đồng người Coho Chil nhiều biến đổi tích cực về kinh tế, xã hội và lối sống, mặt khác cũng dẫn đến sự mai một nhiều giá trị văn hóa truyền thống mang đậm bản sắc văn hóa tộc người được biểu hiện trong các lễ hội, âm nhạc, diễn xướng dân gian,... Dẫu vậy, trong những năm qua, tại một số chi hội Tin Lành người Cơ ho Chil cũng đã xuất hiện những xu hướng và những hoạt động cụ thể nhằm phần nào hội nhập văn hóa Tin Lành với văn hóa tộc người. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Chu Văn Tuấn (Chủ nhiệm, 2014), *Vấn đề tôn giáo trong phát triển bền vững Tây Nguyên*, Đề tài NCKH cấp Nhà nước thuộc Chương trình TN3:79.
- 2 Số liệu được Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng cung cấp tại Hội thảo khoa học *Ý thức tự giác của người Coho Chil*, do Viện Dân tộc (thuộc Ủy ban Dân tộc của Chính phủ) kết hợp với Ban Dân tộc tỉnh Lâm Đồng tổ chức tại thành phố Đà Lạt vào ngày 20/11/2012.
- 3 Nguyễn Xuân Hùng (2014), “Truyền giáo Tin Lành vào các tộc người thiểu số vùng Nam Trường Sơn - Tây Nguyên từ khởi đầu cho đến năm 1975”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4 (130): 105.
- 4 Sau khi theo đạo, ông K’Sol ở lại trụ sở Truyền giáo phụ trách việc dạy tiếng và dịch Kinh Thánh ra tiếng Coho. Sau này, ông trở thành người Thượng đầu tiên được tấn phong mục sư.
- 5 Tổng hợp từ nguồn tư liệu lưu trữ tại Chi hội Tin Lành Bon Rơm (xã N’tôl Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng)
- 6 Đỗ Hữu Nghiêm (1995), *Tin Lành ở Tây Nguyên Nam Trường Sơn*, Tài liệu đánh máy, chưa xuất bản, lưu tại Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ: 72, 78.
- 7 Trong công trình của mình, Mục sư, Tiến sĩ Lê Hoàng Phu cho biết vào năm 1955, các hội thánh Thượng du báo cáo có tổng số 5.978 tín đồ với 2.468 người chịu Báp têm. (Lê Hoàng Phu (2010), *Lịch sử hội thánh Tin Lành Việt Nam (1911-1965)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 348, 355). Như vậy, người Coho Chil chiếm 55,2% và 52,6% người chịu Báp têm trên toàn Địa hạt Thượng du. Mặc dù các con số thống kê này chỉ mang tính chất tương đối nhưng cũng đã thể hiện được mức độ phát triển sâu rộng của Tin Lành trong vùng người Coho Chil ở tỉnh Lâm Đồng.
- 8 Đỗ Hữu Nghiêm (1995), *Tin Lành ở Tây Nguyên Nam Trường Sơn*, Tlđđ: 72.
- 9 Mạc Đường chủ biên (1983), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Lâm Đồng: 82.
- 10 Đỗ Hữu Nghiêm (1995), *Tin Lành ở Tây Nguyên Nam Trường Sơn*, Tlđđ: 81.
- 11 Theo Lê Hoàng Phu, vào năm 1965, các Hội thánh Coho (bao gồm các nhóm Coho Chil, Lạch, Srê, T’ring...) có tổng cộng 12.625 tín đồ (tăng khoảng 200% so với năm 1955) với 3.551 người đã chịu *Báp têm* (tăng 130% so với năm 1955) (Lê Hoàng Phu (2010), *Lịch sử hội thánh Tin Lành Việt Nam (1911-1965)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 355).

- 12 Lê Minh Quang (2011), “Tin Lành ở Lâm Đồng giai đoạn 1929-1975”, *Công tác Tôn giáo*, số 5: 19.
- 13 Phạm Văn Năm (2012), *Dâng trọn cuộc đời*, Nxb. Phương Đông: 103; Đỗ Hữu Nghiê (1995), *Tin Lành ở Tây Nguyên Nam Trường Sơn*, Tlđđ: 129.
- 14 Nguyễn Đức Hiệp chủ nhiệm đề tài (2014), *Tin Lành và việc ổn định phát triển trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Lâm Đồng: 49.
- 15 Theo chúng tôi, các số liệu thống kê về dân số người Cồh Chil nói chung cũng như số lượng tín đồ Tin Lành người Cồh Chil chỉ mang tính chất tương đối. Xuất phát từ quan điểm chính thức của Nhà nước xem người Cồh Chil là một nhóm địa phương của người Cồh nên khi thống kê về dân tộc và tôn giáo, một số địa phương đã nhập chung vào với các nhóm Cồh chứ không tách thành số liệu riêng. Trong bảng thống kê của Ban Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng, mặc dù có tách nhóm Cồh Chil ra thành cột riêng nhưng có nhiều hội thánh người Cồh Chil vẫn được thống kê chung vào cột Cồh. Trên thực tế, số tín đồ, chức sắc người Cồh Chil nhiều hơn so với số liệu này. Kết hợp tư liệu khảo sát điền dã với tổng hợp các số liệu thống kê, chúng tôi nhận thấy trong cộng đồng người Cồh Chil, có khoảng hơn 2.000 tín đồ Công giáo cư trú ở xã Đưng K’nớh (huyện Lạc Dương), xã Mê Linh và xã Đa Đôn (huyện Lâm Hà), và khoảng 500 người không theo đạo ở xã Đa Chais (huyện Lạc Dương), tất cả người Cồh Chil còn lại là tín đồ Tin Lành.
- 16 Phạm Thanh Thôi (2014), “Biến đổi xã hội của người Cồh Chil ở Lâm Đồng, *Phát triển Khoa học Công nghệ*, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tập 17, số X4: 77.
- 17 Đỗ Quang Hưng (2011), “Một số vấn đề về Tin Lành ở Tây Nguyên”, *Khoa học xã hội Tây Nguyên*, số 2: 11.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Đại diện Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) tỉnh Lâm Đồng (2008), *Kỷ yếu 80 năm Tin Lành đến Lâm Đồng*, Tài liệu lưu hành nội bộ.
2. Mạc Đường chủ biên (1983), *Vấn đề dân tộc ở Lâm Đồng*, Sở Văn hóa Thể thao tỉnh Lâm Đồng.
3. Nguyễn Đức Hiệp (chủ nhiệm, 2014), *Tin Lành và việc ổn định phát triển trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng*, Đề tài khoa học cấp Tỉnh, Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Lâm Đồng.
4. Nguyễn Xuân Hùng (2014), “Truyền giáo Tin Lành vào các tộc người thiểu số vùng Nam Trường Sơn - Tây Nguyên từ khởi đầu cho đến năm 1975”, *Nghiên cứu tôn giáo*, số 4 (130).
5. Nguyễn Xuân Hùng (2017), *Quá trình truyền giáo của Tin Lành tại Việt Nam từ năm 1911 đến năm 1975*, Luận án tiến sĩ Lịch sử Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
6. Đỗ Quang Hưng (2011), “Một số vấn đề về Tin Lành ở Tây Nguyên”, *Khoa học xã hội Tây Nguyên*, số 2.
7. Phạm Văn Năm (2012), *Dâng trọn cuộc đời*, Nxb. Phương Đông.
8. Đỗ Hữu Nghiê (1995), *Tin Lành ở Tây Nguyên Nam Trường Sơn*, Tài liệu chưa xuất bản, lưu tại Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

9. Lê Hoàng Phu (2010), *Lịch sử hội thánh Tin Lành Việt Nam (1911-1965)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
10. Lê Minh Quang (2011), “Tin Lành ở Lâm Đồng giai đoạn 1929-1975”, *Công tác Tôn giáo*, số 5.
11. Phạm Thanh Thôi (2014), “Biến đổi xã hội của người Cơho Chil ở Lâm Đồng, *Phát triển Khoa học Công nghệ*, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tập 17, số X4.
12. Trương Văn Tốt (1972), *Việc của đức Giê hô va - cuộc phấn hưng tại Nam Thượng hạt*, Cơ quan xuất bản Tin Lành, Sài Gòn.
13. Chu Văn Tuấn (Chủ nhiệm, 2014), *Vấn đề tôn giáo trong phát triển bền vững Tây Nguyên*, Đề tài NCKH cấp Nhà nước thuộc Chương trình Tây Nguyên 3.
14. Nguyễn Thanh Xuân (Chủ biên, 2006), *Tin Lành ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Abstract

PROTESTANTISM IN THE CƠHO CHIL PEOPLE COMMUNITY IN LÂM ĐỒNG, VIETNAM

Based on the fieldwork data, the bibliographic analysis of missionaries, published scientific papers, the author presents the stages of evangelisation and Protestantism's impacts on the economic, social and cultural life of the Coho Chil (Cil) community in Lam Dong. Research on Protestantism in the Coho Chil community, the earliest evangelical residents with the highest percentage of believers in Lam Dong, contributes to knowledge enrichment of the spread of Protestantism among the ethnic minorities in the Central Highlands.

Keywords: Protestantism, evangelisation, Coho Chil people, Lam Dong province, Central Highlands.